

Số: 449/QĐ-UBND

Phú Vinh, ngày 30 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025 của xã Phú Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Phú Vinh khoá VI - kỳ họp lần thứ 7 về việc phê chuẩn quyết toán Ngân sách nhà nước xã Phú Vinh năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

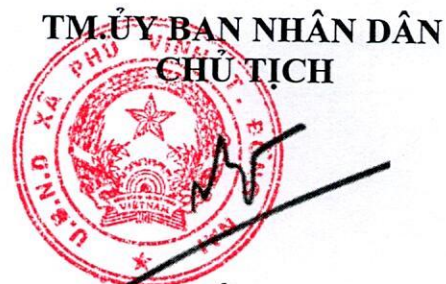
Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 của xã Phú Vinh (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh; Trưởng Phòng Kinh tế, thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Đảng ủy xã (b/cáo);
- HĐND xã (b/cáo);
- Chủ tịch, các Phó CT.UBND xã;
- Chánh, PCVP.UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.



Lê Triết Như Vũ



CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định 449/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phú Vinh)

ĐVT: đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	153,675,414,309	Tổng số chi	146,763,092,347
1. Các khoản thu xã hưởng 100%	656,137,969	1. Chi đầu tư phát triển	16,654,561,141
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	981,211,390	<i>Tr.đó: - Chi từ nguồn ngân sách</i>	<i>14,421,469,141</i>
3. Thu huy động đóng góp	1,164,733,750	<i>- Chi từ nguồn huy động đóng góp</i>	<i>2,233,092,000</i>
4. Thu bổ sung	139,273,675,956		
- <i>Bổ sung cân đối</i>	<i>92,819,000,000</i>	2. Chi thường xuyên	122,995,602,993
- <i>Bổ sung mục tiêu</i>	<i>46,454,675,956</i>		
5. Thu kết dư ngân sách năm trước	6,721,358,873	3. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	4,181,005,535
6. Thu viện trợ	0		
7. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	4,878,296,371	4. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	2,931,922,678
Kết dư ngân sách	6,912,321,962		



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định 449/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phú Vinh)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	3,413,000,000	160,530,729,624	18,723,167,224	156,607,336,987	549%	98%
I	Các khoản thu 100%	464,000,000	464,000,000	2,529,143,146	656,137,969	545%	141%
1	Thu phí, lệ phí	324,000,000	324,000,000	411,844,197	374,345,021	127%	116%
2	Thu khác ngân sách	140,000,000	140,000,000	2,117,298,949	281,792,948	1512%	201%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1,820,000,000	1,027,000,000	15,029,290,328	981,211,390	826%	96%
1	Các khoản thu phân chia	1,149,000,000	631,000,000	4,815,510,272	451,639,703	419%	72%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	113,000,000	113,000,000	138,769,748	0	123%	0%
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	1,036,000,000	518,000,000	4,676,740,524	451,639,703	451%	87%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	671,000,000	396,000,000	10,213,780,056	529,571,687	1522%	134%
-	Thuế giá trị gia tăng	656,000,000	387,000,000	6,459,851,354	507,589,552	985%	131%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	15,000,000	9,000,000	37,257,848	21,982,135	248%	244%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	164,087,527	0		
-	Thuế thu nhập cá nhân	0	0	2,042,936,802	0		
-	Thu tiền sử dụng đất	0	0	1,497,666,163	0		
-	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0	0		
-	Thuế tài nguyên	0	0	11,980,362	0		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	0	0	0	0		
IV	Thu chuyển nguồn	0	4,878,296,371	0	4,878,296,371		100%

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	0	6,721,358,873	0	6,721,358,873		100%
VI	Thu chuyển giao ngân sách	0	146,311,074,380	0	142,205,598,634		97%
1	Thu bổ sung cân đối	0	92,819,000,000	0	92,819,000,000		100%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	0	53,492,074,380	0	46,454,675,956		87%
3	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên (ngân sách xã nộp trả tỉnh)	0	0	0	2,931,922,678		
VII	Thu huy động đóng góp	1,129,000,000	1,129,000,000	1,164,733,750	1,164,733,750	103%	103%



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định 449/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phú Vinh)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	158,766,000,000	21,179,000,000	137,587,000,000	146,763,092,347	16,654,561,141	130,108,531,206	92.44%	78.64%	94.56%
	<i>Trong đó</i>									
1	Chi quốc phòng	4,767,000,000		4,767,000,000	2,718,748,249		2,718,748,249	57.03%		57.03%
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	3,264,000,000		3,264,000,000	2,411,160,805		2,411,160,805	73.87%		73.87%
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	75,520,000,000		75,520,000,000	73,338,381,187		73,338,381,187	97.11%		97.11%
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	280,000,000		280,000,000	0		0	0.00%		0.00%
5	Chi y tế	17,000,000		17,000,000	17,000,000		17,000,000	100.00%		100.00%
6	Chi văn hóa, thông tin	460,000,000		460,000,000	448,451,953		448,451,953	97.49%		97.49%
7	Chi phát thanh, truyền thanh	90,000,000		90,000,000	79,561,600		79,561,600	88.40%		88.40%
8	Chi thể dục thể thao	70,000,000		70,000,000	57,926,060		57,926,060	82.75%		82.75%
9	Chi bảo vệ môi trường	2,605,000,000		2,605,000,000	1,461,750,038		1,461,750,038	56.11%		56.11%

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
10	Chi các hoạt động kinh tế	27,368,000,000	21,179,000,000	6,189,000,000	20,667,211,450	16,654,561,141	4,012,650,309	75.52%	78.64%	64.84%
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	33,629,000,000		33,629,000,000	30,783,738,392		30,783,738,392	91.54%		91.54%
12	Chi cho công tác xã hội	7,716,000,000		7,716,000,000	7,666,234,400		7,666,234,400	99.36%		99.36%
13	Chi khác	206,000,000		206,000,000	0		0	0.00%		0.00%
14	Chi dự phòng	1,900,000,000		1,900,000,000	0		0	0.00%		0.00%
15	Nguồn CCTL	0			0		0			
16	Chi hoàn trả nhân dân đóng góp	0			0		0			
17	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	0		0	4,181,005,535		4,181,005,535			
18	Chi nộp ngân sách cấp trên	874,000,000		874,000,000	2,931,922,678		2,931,922,678	335.46%		335.46%



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định 449/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND xã Phú Vinh)

ĐVT: đồng

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng giá trị quyết toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ			221,421,978,000	64,008,430,600	10,850,857,000	16,654,561,141	0	14,421,469,141	2,233,092,000
A	Nguồn ngân sách tập trung (43)		49,050,747,000	12,339,699,000	6,960,171,000	14,805,875,141	0	14,066,231,141	739,644,000
I	Các dự án xã hội hóa giao thông nông thôn		40,806,315,000	8,655,553,000	6,129,322,000	14,335,562,141	0	13,601,175,141	734,387,000
1	Tiền thưởng NTM của huyện khen Đường liên ấp 5,6,7 (đoạn từ 0-000 đến 0-800) Phú Tân	16/7/2019-22/10/2019	1,419,463,000	294,463,000	0	40,730,000		40,730,000	0
2	Đường KDC 1 ấp 1 và KDC 5, ấp 2 xã Phú Tân	09/12/2020-26/12/2023	1,918,208,000	633,074,000	0	185,728,000		171,628,000	14,100,000
3	Đường 118 - đường bê tông 118 đi 120, xã Phú Tân	24/10/2020-01/12/2023	2,037,835,000	549,957,000	0	243,246,000		236,316,000	6,930,000
4	Đường liên khu 2, 3, 4 ấp 2, xã Phú Tân	09/12/2020-26/12/2023	3,562,070,000	1,145,875,000	0	459,950,000		404,450,000	55,500,000
5	Đường khu 4, 5 ấp 8 xã Phú Tân	20/6/2024-20/9/2024	2,322,355,000	664,269,000	241,175,000	1,678,318,865		1,527,310,865	151,008,000
6	Đường khu 1, 2 ấp 5 xã Phú Tân	16/7/2024-30/4/2025	3,538,173,000	1,009,461,000	780,900,000	1,766,619,636		1,734,639,636	31,980,000
7	Đường khu 2 ấp 2, xã Phú Tân	01/7/2024-06/11/2024	5,036,461,000	1,479,674,000	440,000,000	2,368,289,000		2,359,083,000	9,206,000
8	Đường Khu 1 ấp 6, xã Phú Tân	06/02/2023-07/05/2023	1,687,249,000	477,837,000	0	263,880,640		263,880,640	0
9	Nâng cấp đường trạm y tế - liên ấp 4-5 xã Phú Vinh	27/02/2024-26/06/2042	6,118,289,000	1,604,266,000	4,667,247,000	542,855,000		492,592,000	50,263,000
10	Nâng cấp đường vào hồ 116 (Đường phố 1 ấp 5 nối phố 6 ấp 3) xã Phú Vinh	10/7/2025-6/1/2025	10,405,589,000		0	5,194,545,000		5,194,545,000	0
11	Mương thoát nước phố 2, phố 3 ấp 4, xã Phú Vinh		2,760,623,000	796,677,000	0	1,591,400,000		1,176,000,000	415,400,000

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng giá trị quyết toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
II	Các dự án xã hội hóa công trình điện		5,707,136,000	3,077,971,000	0	267,203,000	0	261,946,000	5,257,000
1	Nâng cấp ĐDHT và TBA Phú Tân 5 từ 1 pha lên 3 pha; Xây dựng mới đường dây hạ thế 3 pha sau TBA Phú Tân 5 xã Phú Tân (Điện phục vụ sinh hoạt kết hợp sản xuất nông nghiệp tại khu dân cư 5, 7 ấp 6)	26/07/2013-10/12/2013	800,000,000	800,000,000	0	0		0	0
2	Lưới điện hạ thế đường WB2 liên ấp 5 đi ấp 4 và ấp 1, Tuyến khu 5, khu 6, khu 7, khu 8, ấp 5, xã Phú Tân	07/06/2014-06/09/2014	899,362,000	545,317,000	0	61,488,000		61,488,000	0
3	Đường dây hạ thế khu 2, khu 3 ấp 3, xã Phú Tân	17/06/2014-06/09/2014	1,001,216,000	231,148,000	0	69,217,000		69,217,000	0
4	Đường dây trung hạ thế và TBA 1x100KVA khu 2, ấp 6, xã Phú Tân	03/12/2014-11/02/2015	1,099,943,000	428,543,000	0	64,829,000		64,829,000	0
5	Đường dây hạ thế sau TBA Phú Tân 15-2x25, xã Phú Tân	24/01/2015-06/06/2015	801,947,000	479,661,000	0	0		0	0
6	Đường dây hạ thế khu 2 ấp 4, xã Phú Tân	13/9/2016-07/10/2016	585,471,000	356,708,000	0	41,039,000		35,782,000	5,257,000
7	Đường dây hạ thế khu 1 ấp 8, xã Phú Tân	14/07/2022-15/09/2022	519,197,000	236,594,000	0	30,630,000		30,630,000	0
III	Dự án đầu tư phát triển khác		2,537,296,000	606,175,000	830,849,000	203,110,000	0	203,110,000	0
1	Lập đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Phú Tân đến năm 2025 và đại hạn đến năm 2030	2020-2021	296,537,000	0	0	0		0	0
2	Lập đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Phú Vinh đến năm 2025 và đại hạn đến năm 2030	2020-2021	320,917,000	0	0	0		0	0
3	Nguồn khen thưởng NTM tỉnh khen (Cải tạo nghĩa trang xã Phú Vinh)	21/6/2024-18/12/2024	1,919,842,000	606,175,000	830,849,000	203,110,000		203,110,000	0
B	Nguồn thu tiền sử dụng đất (44)		12,971,285,000	2,626,780,600	1,355,821,000	0	0	0	0
I	Các dự án xã hội hóa giao thông nông thôn		9,894,650,000	2,626,780,600	1,355,821,000	0	0	0	0
1	Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đường khu 1 ấp 6, xã Phú Tân	06/02/2023-07/05/2023	1,687,249,000	477,837,000	0	0		0	0

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng giá trị quyết toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
2	Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đường khu 2 ấp 2, xã Phú Tân	01/7/2024-06/11/2024	5,036,461,000	1,464,915,600	440,000,000	0		0	0
3	Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đường khu 4 ấp 6, xã Phú Tân	22/9/2023 - 18/1/2024	3,170,940,000	684,028,000	915,821,000	0		0	0
II	Dự án đầu tư phát triển khác		3,076,635,000	0	0	0	0	0	0
1	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư số 5, xã Phú Tân	1/11/2024 - 1/12/2024	402,389,000	0	0	0		0	0
2	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đất ở phụ cận (Lợi thế) đường cụm công nghiệp Phú Vinh đi thị trấn Tân Phú, xã Phú Tân	1/11/2024 - 1/12/2024	688,074,000	0	0	0		0	0
3	Lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư trung tâm xã Phú Tân	1/11/2024 - 1/12/2024	479,517,000	0	0	0		0	0
4	Lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư trung tâm xã Phú Vinh	4/9/2024 - 26/12/2024	1,506,655,000	0	0	0		0	0
C	Nguồn xổ số kiến thiết (45)		23,932,482,000	3,508,214,000	1,181,897,000	1,189,638,000	0	355,238,000	834,400,000
I	Các dự án xã hội hóa giao thông nông thôn		22,332,695,000	3,508,214,000	0	934,400,000	0	100,000,000	834,400,000
1	Đường liên xã Phú Vinh - Ngọc Định	2011-2012	3,954,924,000	464,302,000	0	0		0	0
2	Đường 115 đến cánh đồng lúa Suối Soong	9/8/2011-9/6/2012	7,327,729,000	815,327,000	0	0		0	0
3	Nâng cấp đường vào hồ 116 (Đường phố 1 ấp 5 nối phố 6 ấp 3) xã Phú Vinh	10/7/2025-6/01/2026	11,050,042,000	2,228,585,000	0	934,400,000		100,000,000	834,400,000
II	Dự án đầu tư phát triển khác		1,599,787,000	0	1,181,897,000	255,238,000	0	255,238,000	0
1	Tiền thưởng nông thôn mới nâng cao xã Phú Tân nguồn tỉnh (Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường 118 đi 120, xã Phú Tân)	22/9/2024-21/12/2024	1,599,787,000	0	1,181,897,000	255,238,000		255,238,000	0
B	Nguồn huy động đóng góp (49)		135,467,464,000	45,533,737,000	1,352,968,000	659,048,000	0	0	659,048,000
I	Dự án xã hội hóa giao thông nông thôn		132,597,721,000	44,101,282,000	874,355,000	659,048,000	0	0	659,048,000
1	Đường liên ấp 6 - 7 (Đường liên ấp 4, 6, 8 ấp 6) xã Phú Tân	31/07/2014-18/05/2015	2,746,712,000	978,882,000	0	10,437,000			10,437,000

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng giá trị quyết toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
2	Đường áp 5 đi áp 8 Phú Tân	02/10/2015-02/03/2016	522,235,000	213,123,000	0	0			0
3	Đường áp 2 đi áp 8 Phú Tân	02/10/2015-02/03/2016	577,258,000	149,230,000	11,527,000	0			0
4	Đường liên ấp 4 - 5 (Đoạn 1: từ Km0+00 đến Km1+680) xã Phú Tân	21/07/20147-26/04/2019	3,881,483,000	1,617,138,000	36,874,000	25,313,000			25,313,000
5	Đường liên ấp 4 - 5 (Đoạn 2: từ Km1+680 đến Km3+340) xã Phú Tân	07/07/2017-26/04/2019	3,641,374,000	1,519,744,000	34,593,000	53,751,000			53,751,000
6	Đường liên ấp 4 - 5 (Đoạn 3: từ Km3+340 đến Km4+977,56) xã Phú Tân	07/07/2017-26/04/2019	3,470,078,000	1,446,877,000	0	15,667,000			15,667,000
7	Đường áp 2 đi áp 8 (Đoạn 1) từ km 0+00 đến km 1 + 520 xã Phú Tân	07/8/2017-22/5/2018	3,025,743,000	920,654,000	0	3,799,000			3,799,000
8	Đường áp 2 đi áp 8 (Đoạn 2) từ Km1+520 đến Km2+711,21 xã Phú Tân	07/8/2017-08/12/2017	2,587,612,000	751,348,000	0	4,078,000			4,078,000
9	Đường áp 6 đi áp 8 (đoạn 1 từ Km0+00 đến Km1+440) xã Phú Tân	26/5/2017-26/4/2019	2,974,977,000	1,166,218,000	28,262,000	10,514,000			10,514,000
10	Đường áp 6 đi áp 8 (Đoạn 2) từ Km 1+440 đến Km2+800,7 xã Phú Tân	26/5/2017-26/4/2019	2,827,168,000	1,116,241,000	26,858,000	19,069,000			19,069,000
11	Đường áp 4 đi áp 1 (Đoạn 1: từ Km0+00 đến Km1+700) xã Phú Tân	07/8/2017-22/5/2018	3,499,926,000	1,378,921,000	0	9,904,000			9,904,000
12	Đường áp 4 đi áp 1 (Đoạn 2: từ Km1+700 đến Km3+484,09) xã Phú Tân	07/8/2017-15/11/2018	3,653,425,000	1,443,037,000	0	27,159,000			27,159,000
13	Đường nối 118-120 (Đoạn 2) xã Phú Tân	07/5/2017-17/11/2017	1,137,030,000	315,172,000	10,801,000	0			0
14	Đường áp 5 đi áp 8 (Đoạn 1: từ Km0+00 đến Km1+260) xã Phú Tân	24/6/2017-09/4/2019	2,562,612,000	1,007,632,000	13,911,000	7,218,000			7,218,000
15	Đường áp 5 đi áp 8 (Đoạn 2: từ Km1+260 đến Km3+75,18) xã Phú Tân	24/6/2017-08/4/2019	3,654,939,000	1,441,363,000	0	44,030,000			44,030,000
16	Đường áp 5 đi áp 8 (Đoạn 3: từ Km0+00 đến Km1+46,21) xã Phú Tân	24/6/2017-09/9/2017	2,078,339,000	820,758,000	0	31,597,000			31,597,000

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng giá trị quyết toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
17	Đường khu dân cư 2 ấp 6 xã Phú Tân	28/4/2017-17/8/2017	2,298,355,000	906,740,000	0	7,780,000			7,780,000
18	Đường khu 2 ấp 1 xã Phú Tân	09/9/2017-26/4/2018		409,568,000	0	0			
19	Đường khu 1 ấp 5 xã Phú Tân		744,320,000	163,175,000	0	0			0
20	Đường nội đồng 50-70 triệu/ha xã Phú Tân	28/4/2017-16/7/2017	1,433,105,000	332,344,000	0	2,815,000			2,815,000
21	Đường nội đồng liên ấp 6-7 (Đoạn 2) xã Phú Tân	15/4/2017-16/6/2017	946,870,000	224,646,000	8,995,000	35,905,000			35,905,000
22	Đường Đồi Ma đi khu 6, khu 7 ấp 7, xã Phú Tân	06/10/2017-05/02/2018	2,039,413,000	563,401,000	0	7,301,000			7,301,000
23	Nâng cấp đường liên ấp 5,6,7 (đoạn từ km0+800 đến km1+900) xã Phú Tân	01/10/2019-08/01/2020	2,500,927,000	696,226,000	13,576,000	0			0
24	Đường khu 2 ấp 1 đi ấp 4, xã Phú Tân	07/6/2019-31/12/2019	1,473,531,000	411,405,000	8,399,000	11,261,000			11,261,000
25	Đường ấp 3 đi ấp 7, xã Phú Tân	07/6/2019-31/12/2019	1,942,250,000	543,737,000	11,070,000	23,500,000			23,500,000
26	Đường ấp 3 đi bến thượng xã Phú Tân	20/9/2021-10/01/2022	4,615,938,000	1,178,116,000	3,641,000	60,004,000			60,004,000
27	Đường nội đồng khu 2 ấp 3 xã Phú Tân	20/9/2021-10/01/2022	4,687,103,000	2,064,571,000	126,899,000	56,963,000			56,963,000
28	Đường khu 2 khu 5 ấp 8 xã Phú Tân	20/11/2020-10/02/2021	2,881,481,000	783,366,000	0	19,728,000			19,728,000
29	Đường khu 2 ấp 8, xã Phú Tân	09/9/2022-04/01/2023	2,123,432,000	691,696,000	11,527,000	0			0
30	Đường khu 2 ấp 2, xã Phú Tân	01/7/2024-06/11/2024	4,330,691,000	1,123,182,000	440,000,000	0			0
31	Đường khu dân cư 2, 3 ấp 1 xã Phú Tân		3,805,178,000	950,753,000	0	0			0
32	Đường nội đồng khu 3 khu 4 đi ấp 7 xã Phú Tân		3,335,595,000	976,613,000	0	0			0
33	Đường nội đồng cánh đồng ấp Suối Soong 1	22/09/2014-21/12/2014	938,425,000	152,057,000	0	0			0
34	Nâng cấp đường từ 115 - Trường TH Nguyễn Huệ	2012-2014	1,615,725,000	501,208,000	0	0			0

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng giá trị quyết toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
35	Nâng cấp mặt đường phố 1 ấp 4	26/7/2011-06/9/2011	618,000,000	240,085,000	0	0			
36	Nâng cấp mặt đường phố 3 ấp 1	26/07/2011-16/09/2011	850,000,000	308,083,000	0	0			
37	Nâng cấp, mở rộng đường phố 4 ấp 1		1,013,947,000	314,723,000	0	0			
38	Nâng cấp đường ấp 4 tuyến 2	24/11/2014-23/01/2015	829,662,000	289,504,000	0	0			
39	Đường nội đồng cánh đồng ấp Ba Tầng	28/11/2014-08/01/2015	427,437,000	76,253,000	0	1,000,000		1,000,000	
40	Đường Liên xã Phú Vinh- Ngọc Định			464,302,000	0	0			
41	Đường cạp kênh Suối Soong 2	04/9/2014-31/12/2014	2,372,928,000	424,975,000	9,017,000	1,000,000		1,000,000	
42	Đường nội đồng cánh đồng ấp Suối Soong 2	15/9/2014-16/12/2014	1,916,629,000	344,590,000	0	6,417,000		6,417,000	
43	Đường ấp Suối Soong 2	04/08/2014-09/02/2015	5,830,313,000	1,066,938,000	0	0			
44	Đường Be 117- Khu dân cư 4, ấp 5	11/5/2018-08/9/2018	3,417,710,000	1,239,177,000	0	17,570,000		17,570,000	
45	Đường liên ấp 4, ấp 5 đoạn 2	19/7/2019-16/11/2019	3,618,433,000	1,013,696,000	20,625,000	43,315,000		43,315,000	
46	Nâng cấp đường nội đồng khu dân cư ấp Suối Soong 1 xã Phú Vinh	06/5/2019-03/10/2019	3,432,658,000	975,201,000	0	32,810,000		32,810,000	
47	Nâng cấp đường nội đồng cánh đồng ấp Suối Soong 1	28/02/2019-09/7/2019	3,675,689,000	878,762,000	19,954,000	20,011,000		20,011,000	
48	Đường liên ấp Suối Soong 1, Suối Soong 2	07/6/2019-05/10/2019	1,096,126,000	319,311,000	0	8,600,000		8,600,000	
49	Đường mương thoát nước từ Phố 6 ấp 3 đến công ấp văn hoá ấp 4	14/10/2019-13/3/2020	3,471,133,000	904,530,000	19,337,000	0			
50	Nâng cấp đường cạp kênh Suối Soong 2 đoạn 1	18/4/2019-26/7/2019	2,583,144,000	662,879,000	0	4,000,000		4,000,000	
51	Nâng cấp Đường cạp kênh Suối Soong 2 đoạn 2	18/4/2019-26/7/2019	3,193,065,000	670,488,000	0	8,600,000		8,600,000	
52	Nâng cấp đường nội đồng cánh đồng ấp Ba Tầng	07/5/2020-06/8/2020	3,362,944,000	677,753,000	0	18,000,000		18,000,000	

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng giá trị quyết toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
53	Đường vào thác Ba Giọt	05/12/2020-10/03/2021	1,151,867,000	575,338,000	7,153,000	0			
54	Nâng cấp đường khu 2 đi khu 3 ấp Ba Tầng, xã Phú Vinh	05/11/2021-04/3/2022	2,088,152,000	589,010,000	11,336,000	8,644,000			8,644,000
55	Đường be 117 đoạn 2	06/02/2021-16/6/2021	2,594,717,000	732,135,000	0	0			
56	Đường khu 1 ấp 5 nhánh 1 xã Phú Vinh	14/02/2022-21/7/2022	499,917,000	145,822,000	0	1,288,000			1,288,000
57	Nâng cấp đường vào hồ 116 (Đường phố 1 ấp 5 nối phố 6 ấp 3) xã Phú Vinh	10/7/2025-6/01/2026		2,228,585,000	0	0			
II	Dự án xã hội hóa điện		2,869,743,000	1,432,455,000	478,613,000	0	0	0	0
1	Nâng cấp ĐDHT và TBA Phú Tân 5 từ 1 pha lên 3 pha; Xây dựng mới đường dây hạ thế 3 pha sau TBA Phú Tân 5 xã Phú Tân (Điện phục vụ sinh hoạt kết hợp sản xuất nông nghiệp tại khu dân cư 5, 7 ấp 6)	26/07/2013-10/12/2013		495,547,000	0	0			0
2	Đường điện hạ thế khu 1 ấp 7		514,120,000	160,306,000	0	0			0
3	Đường dây hạ thế khu 4,6,8 ấp 6 xã Phú Tân	23/12/2022-16/01/2023	1,100,229,000	371,584,000	326,033,000	0			0
4	Đường dây hạ thế khu 1,2 ấp 5 xã Phú Tân	23/12/2022-16/01/2023	666,308,000	222,790,000	152,580,000	0			0
5	Đường dây hạ thế khu 5,7,9 ấp 5 xã Phú Tân		589,086,000	182,228,000	0	0			0